TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 12 – 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trung Thảo;

2. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Vào các ngày 18/12/2017, 29/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐST-DS ngày 01/12/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985.

2. Bị đơn: Lê Thị T, sinh năm: 1985.

Cùng trú tại: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T có mặt, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày: anh và chị Lê Thị T tiến hành hôn nhân từ năm 2009, có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, cụ thể từ năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân cho đến nay. Do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về tình cảm: xin được ly hôn với chị Lê Thị T.

+ Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Lê Hoàng A, sinh ngày 20/4/2013, hiện đang sống với chị T, nên anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn* xin vắng mặt và có ý kiến không đồng ý ly hôn với anh T.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn Lê Thị T tuy đã có đơn xin xét xử vắng mặt ngay từ khi thụ lý vụ án nhưng Tòa án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Vụ án này, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa.

[3] Nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn do bất đồng quan điểm, tình cảm không còn và cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn được UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho đăng ký ngày 22/11/2010.

Phía bị đơn sau khi nhận thông báo thụ lý thì không có ý khác ngoài việc không đồng ý ly hôn và xin được vắng mặt tại Tòa án, chứng tỏ bị đơn không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, ngay cả khi bị đơn xin vắng nhưng Tòa án vẫn triệu tập hợp lệ để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn vẫn không có mặt. Tại phiên tòa, anh T cương quyết xin ly hôn. Do đó xét thấy cuộc hôn nhân này đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh T và chị T được ly hôn.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu chị T bổ sung lời khai cũng như tài liệu, chứng cứ về con, tài sản và nợ nhưng chị cũng không có ý kiến, nên qua yêu cầu của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Lê Hoàng A, anh T đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con và chị T không có ý kiến phản đối gì, nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, để chấp nhận ý kiến của anh T tại phiên tòa.

- Về tài sản chung: do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về nợ chung: chỉ có ý kiến của anh T là không có, ngoài ra không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm* : áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, thì anh T là nguyên đơn khởi kiện thì phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000đồng. Chị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

- Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T được ly hôn.

- Về con chung: chị Lê Thị T được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Lê Hoàng A, sinh ngày 20/4/2013 *(hiện cháu A đang sống với chị T)*. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BN/2013 17089 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã A.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trí Viễn